



BẢNG 08: TỔNG HỢP SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG KỊCH BẢN NGẬP

KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH

I. Huyện Đà Bắc.

1. Xã Nánh Nghê.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	Bản Bura Sen											
	Cao độ PA	m	124.08	122.23	118.51	118.19	117.45	123.31	123.21	118.00	117.48	117.21
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	29	29	7	7	0	29	29	7	0	0

2. Xã Mường Chiềng.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	Xóm Đằm Phế											
	Cao độ PA	m	123.76	122.00	118.18	117.90	117.34	122.98	122.90	117.76	117.36	117.16
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	8	8	0	0	0	8	8	0	0	0
2	Xóm Tuồng Bải											
	Cao độ PA	m	123.48	121.8	117.86	117.62	117.16	122.69	122.63	117.53	117.25	117.11
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	17	17	0	0	0	17	17	0	0	0

3. Xã Đồng Chum.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
	Cao độ PA	m	122.86	121.37	117.23	117.18	117.02	122.05	122.02	117.05	117.03	117.02
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	7	7	7	1	1	7	7	1	1	1
2	Xóm Diêng Lụng											
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.21	117.14	117.01	122.03	122.00	117.04	117.02	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	15	15	15	0	0	15	15	0	0	0
3	Xóm Đoàn Kết											
	Cao độ PA	m	122.86	121.37	117.22	117.17	117.02	122.04	122.00	117.03	117.02	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	16	16	16	0	0	16	16	0	0	0
4	Xóm Đức Phong											
	Cao độ PA	m	122.86	121.37	117.23	117.18	117.02	122.05	122.02	117.05	117.03	117.02
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	59	59	0	0	0	59	59	0	0	0
5	Xóm Túp											
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.21	117.14	117.01	122.03	122.00	117.04	117.02	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	14	14	14	0	0	14	14	0	0	0

7. Xã Vây Nưa.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Xăng Bờ													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117,0	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	23	23	0	0	0	23	23	0	0	0		
2	Xóm Dưỡng													
	Cao độ PA	m	122.82	121,3	117.19	117.10	117.00	122.1	121.98	117.02	117.01	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	52	52	0	0	0	52	52	0	0	0		

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
3	Xóm Vây Ang													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	11	11	0	0	0	11	11	0	0	0		
4	Xóm Tham													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	12.01	121.98	117.02	117.01	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	3	3	0	0	0	3	3	0	0	0		
5	Xóm Nưa													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	25	25	0	0	0	25	25	0	0	0		

8. Xã Toàn Sơn.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Phũ													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	14	14	0	0	0	14	14	0	0	0		

9. Xã Hiền Lương.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Ké													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	32	32	0	0	0	32	32	0	0	0		

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
2	Xóm Doi											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	42	42	0	0	0	42	42	0	0	0
3	Xóm Dung											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0
4	Xóm Mơ											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0

II. Huyện Mai Châu.

1. Xã Tân Thành.

[illegible]

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.22	117.15	117.01	122.03	122.01	117.04	117.02	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	8	8	8	0	0	8	8	0	0	0

2. Xã Sơn Thủy.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Phúc													
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.22	117.15	117.01	122.03	122.01	117.04	117.02	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0		
2	Xóm San Sập													
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.22	117.15	117.01	122.03	122.01	117.04	117.02	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	3	3	1	0	0	3	3	0	0	0		
3	Xóm Gò Lào													
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.22	117.15	117.01	122.03	122.01	117.04	117.02	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	6	6	0	0	0	6	6	0	0	0		

III. Huyện Tân Lạc.

1. Xã Suối Hoa.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Ngòi													
	Cao độ PA	m	122.84	121.35	117.20	117.12	117.01	122.02	121.99	117.03	117.01	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	11	11	11	0	0	11	11	0	0	0	0	

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	11	11	0	0	0	11	11	0	0	0
4	Xóm Chiềng											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	74	74	0	0	0	74	74	0	0	0

2. Xã Bình Thanh.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	Xóm Tráng											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	38	38	0	0	0	38	38	0	0	0
2	Xóm Lòn											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	11	11	0	0	0	11	11	0	0	0

V. Thành Phố Hoà Bình.

1. Xã Hoà Bình.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3		PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7	
1	Xóm Bích Trụ													
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00		121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	6	6	0	0	0		6	6	0	0	0	
2	Xóm Tiểu Khu													
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00		121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	18	18	18	0	0		18	18	0	0	0	

2. Phường Thái Bình.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3		PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7	
1	Tổ Vôi													
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00		121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	13	13	0	0	0		13	13	0	0	0	
2	Tổ Thấu													
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00		121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	5	5	5	0	0		5	5	0	0	0	

VI.3. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công trình giao thông các cầu chính vượt sông Đà và các hoạt động dân sinh kinh tế trên lòng hồ thủy điện Hòa Bình (hạ lưu đập Sơn La).

VI.3.1. Hệ thống giao thông cầu vùng hạ lưu.

Tính từ tuyến đập Sơn La đến tuyến đập đập Hòa Bình có tổng cộng 02 cầu vượt sông Đà:

1). Cầu Vạn Bú (cầu Mường La cũ) tại Km71+004 Quốc lộ 279D nối từ thành phố Sơn La - Mường La có chiều dài $L=486,4\text{m}$; Cao độ phía Sơn La = $154,04\text{m}$, phía Mường La = $156,32\text{m}$, tại trụ T2 = $155,00\text{m}$ cách tuyến đập Sơn La về hạ lưu là $3,2\text{km}$. Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cầu như sau :

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cầu Mường La (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	142.47	Không bị ngập qua mặt cầu, công trình an toàn
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	141.00	
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	138.47	
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	137.51	
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	130.68	
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	141.29	
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	140.84	
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	134.99	
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	130.70	
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	126.77	

Như vậy, các kịch bản giả định vỡ đập, xả lũ thủy điện Sơn La nêu trên đều không ảnh hưởng đến việc ngập cầu Vạn Bú.



2). Cầu Tạ Khoa vượt sông Đà, tại Km 425+500 Quốc lộ 37, tỉnh Sơn La, có chiều dài $L = 561,3\text{m}$, công trình có cao độ mặt cầu là $136,30\text{m}$, cách tuyến đập Sơn La về hạ lưu là 55km .

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cầu như sau :

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cầu Mường La (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	133.48	Không bị ngập qua mặt cầu, công trình an toàn
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	130.88	
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	128.68	
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	127.42	
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	122.13	
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	132.47	
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	131.79	
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	125.70	
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	122.18	
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	119.62	

Như vậy, các kịch bản giả định vỡ đập, xả lũ thủy điện Sơn La nêu trên đều không ảnh hưởng đến việc ngập cầu Tạ Khoa, không làm ảnh hưởng đến cầu do vị trí đã cách xa tuyến đập Sơn La.

3). Bến Phà:

Phà Vạn Yên nằm trên QL43 bắc qua sông Đà nối huyện Mộc Châu với huyện Phù Yên của tỉnh Sơn La.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình, đặc biệt với bến phà Vạn Yên như sau:

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí phà Vạn Yên(m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	124,92	Bị ngập khu nhà điều hành bến phà Vạn Yên 2000m ²
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	122,86	Không bị ngập nhà điều hành
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	119,48	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	119,04	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	117,79	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	124,20	Bị ngập khu nhà điều hành bến phà Vạn Yên 2000m ²
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	124,04	Bị ngập khu nhà điều hành bến phà Vạn Yên 2000m ²
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	118,71	Không bị ngập nhà điều hành
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	117,84	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	117,37	nt

Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực bến phà khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũr tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, sơ tán người và tài sản khu nhà điều hành lên cao khỏi cao trình ngập ít nhất 02m theo kịch bản bản thông báo đã được đánh dấu son cảnh báo.

4). Cảng thủy nội địa:

- Cảng thủy Bản Kết - xã Tạ Bú - huyện Mường La, cảng được Ban quản lý thủy điện Sơn La xây dựng phục vụ vận chuyển thiết bị phục vụ xây dựng công trình thủy điện Sơn La nay thuộc Công ty thủy điện Sơn La quản lý.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cảng như sau:

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cảng Bản Kết (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	142,47	Bị ngập toàn bộ khu cảng 14840m ²
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	141,00	nt
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	138,47	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	137,51	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	130,68	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	141,29	nt
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	140,84	nt
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	134,99	nt
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	130,70	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	126,77	nt

Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực bến cảng khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng, loa cảnh báo xả lũ hạ du của thủy điện Sơn La về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dừ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền (suối Nậm Bú). Công ty thủy điện Sơn La chủ động ứng phó sơ tán người và tài sản khu cảng lên cao khỏi cao trình ngập ít nhất 02m theo kịch bản bản thông báo đã được đánh dấu sơn cảnh báo. Đặc biệt khu vực này ngay gần tuyến đập Sơn La nên mức độ phá hủy sẽ rất lớn do đó cần sơ tán khẩn cấp người lên vùng an toàn theo sơ đồ đã chi tiết trong phụ lục 05.

- Cảng Tà Hộc: Thuộc bản Hộc - xã Tà Hộc - huyện Mai Sơn. Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cảng như sau:

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cảng Bản Kết (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	135,61	Bị ngập toàn bộ khu cảng 6940m ²
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	133,04	nt
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	130,86	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	129,51	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	123,48	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	134,55	nt
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	133,74	nt
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	127,52	nt
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	123,51	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	120,46	Không bị ngập

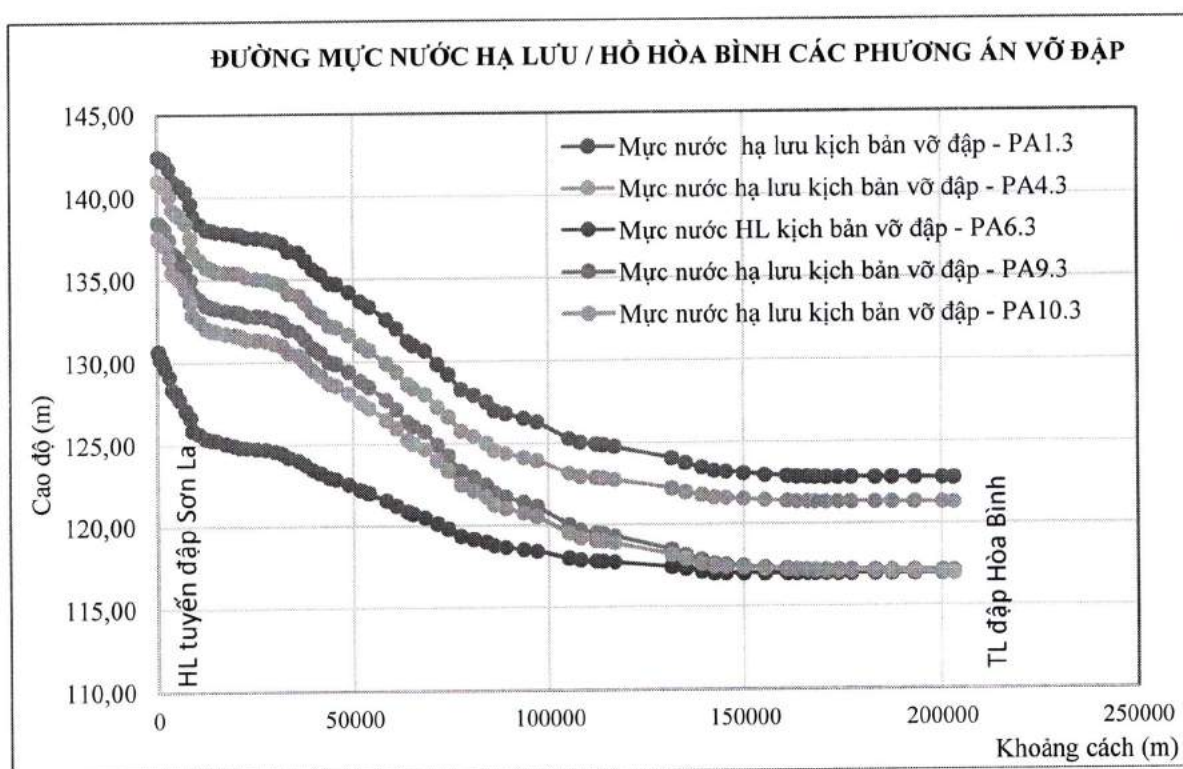
Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực bến cảng khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng, loa cảnh báo xả lũ hạ du của thủy điện Sơn La về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền.

- Bến cảng khu vực tỉnh Hòa Bình (Chợ bờ, Thung nai; Bình Thanh; Hiền Lương, Bích Hạ, Ba Cấp): khu vực tỉnh Hòa Bình đoạn từ Km120 đến Km200 tuyến đập Hòa Bình độ dốc mặt nước thấp, nước dâng lên theo mực nước hồ, tốc độ dòng chảy rất nhỏ nên sẽ không cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, các chủ tàu thuyền đang hoạt động tại các bến cảng thực hiện nới dây neo thuyền để thuyền dâng lên theo mực nước hồ.

5). Bến thủy nội địa:

Số bến thủy nội bộ hạ lưu thủy điện Sơn La (lòng hồ Hòa Bình) với 135 bến phân bố trên địa bàn các bản thuộc 42 xã thuộc hai tỉnh Sơn La, Hòa Bình.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án:



Các tàu thuyền đang hoạt động tại các vị trí bến thủy khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền. Đặc biệt các hoạt động trong phạm vi từ hạ lưu tuyến đập Sơn La đến km100 về phía hạ lưu (khu vực tỉnh Sơn La), theo tính toán đoạn này độ dốc mặt nước lớn nên dòng chảy xiết (dạng lũ quét) nên mức độ phá hủy cao.

Khu vực tỉnh Hòa Bình đoạn từ K100 đến Km200 tuyến đập Hòa Bình độ dốc mặt nước thấp, nước dâng lên theo mực nước hồ, tốc độ dòng chảy rất nhỏ nên sẽ không cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, các chủ tàu thuyền đang hoạt động tại các bến thủy nội địa thực hiện nối dây neo thuyền để thuyền dâng lên theo mực nước hồ.

6). Hoạt động khai thác cát trong lòng hồ Hòa Bình:

Trên lòng hồ Hòa Bình có 04 vị trí được cấp phép thăm dò và khai thác cát sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp của các kịch bản xả lũ cũng như tình huống vỡ đập:

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên tại 04 vị trí có tọa độ : Vị trí 1 ($x = 2354702,49$; $y = 522710,62$), Vị trí 2 ($x = 2356133,32$; $y = 521201,13$), Vị trí 3 ($x = 2357551,45$; $y = 519457,98$), Vị trí 4 ($x = 2347043,35$; $y = 535663,30$) thực hiện theo giấy phép thăm dò số 514/GP-BCT ngày 07/11/2022 do Bộ Công thương cấp.

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty TNHH Quang Phóng Tây bắc tại 02 vị trí có tọa độ : Vị trí 1 ($x = 2358594,00$; $y = 517983,00$), Vị trí 2 ($x = 2353707,00$; $y = 523754,00$) thực hiện theo giấy phép thăm dò số 331/GP-BCT ngày 07/10/2022 do Bộ Công thương cấp.

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sơn Hà Phát tại 01 vị trí có tọa độ : Vị trí tọa độ ($x = 2365414,750$; $y = 516238,52$) thực hiện theo giấy phép thăm dò số 516/GP-BCT ngày 30/10/2023 do Bộ Công thương cấp.

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Thăng Long - Hà Nội tại 01 vị trí có tọa độ : Vị trí tọa độ ($x = 2375507,93$; $y = 503237,73$) thực hiện theo giấy phép thăm dò số 68/GP-BCT ngày 20/01/2022 do Bộ Công thương cấp.

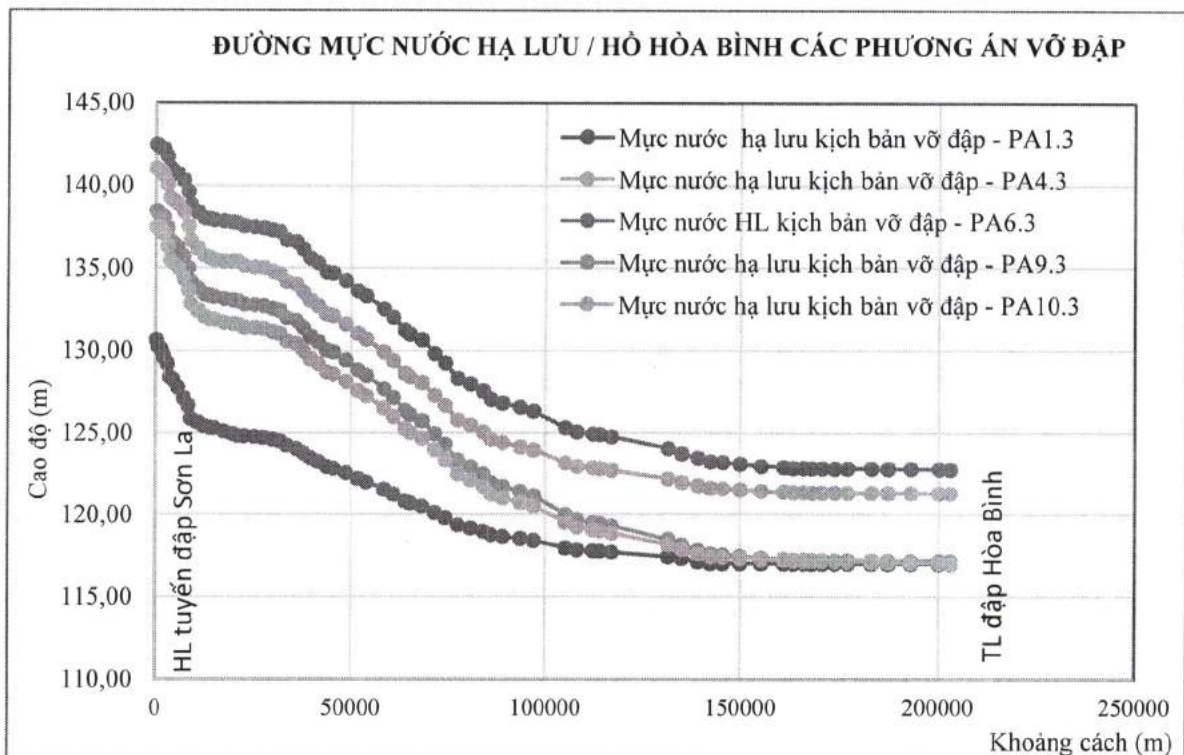
Các tàu thuyền đang hoạt động thăm dò, khai thác cát tại các vị trí khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền. Đặc biệt các hoạt động khai thác cát này nằm trong phạm vi từ hạ lưu tuyến đập Sơn La đến km100 về phí hạ lưu, theo tính toán đoạn này độ dốc mặt nước lớn nên dòng chảy xiết (dạng lũ quét) nên mức độ phá hủy cao.

VI.3.2. Hoạt động dân sinh kinh tế trên lòng hồ thủy điện Hòa Bình (hạ lưu đập Sơn La).

- Nuôi thủy sản trong các lồng cá trong lòng hồ Hòa Bình khu vực tỉnh Sơn La: Đặc biệt từ khu vực huyện Bắc Yên ÷ huyện Vân Hồ) cách tuyến đập Sơn La từ Km55 ÷ Km117 có 996 lồng cá sẽ bị ảnh hưởng với các tình huống khẩn cấp vỡ đập và xả lũ, khu vực này có độ dốc mặt nước lũ lớn sẽ bị cuốn trôi các lồng cá khi có xảy ra các tình huống vỡ đập hoặc xả lũ theo Phương án. Phương án ứng phó khu vực này khi nhận được thông báo các hoạt động tại các lồng cá cần khẩn trương sơ tán lên bờ.

Stt	Địa bàn huyện	Đơn vị	Số lượng lồng cá
1	Bắc Yên	Cái	24
2	Phù Yên	Cái	477
3	Mộc Châu	Cái	337
4	Vân Hồ	Cái	158
Tổng		Cái	996

- Nuôi thủy sản khu vực tỉnh Hòa Bình: Khu vực tỉnh Hòa Bình với khoảng 900 lồng cá, tuy nhiên khoảng cách Km1200 đến km200 (lồng hồ khu vực tỉnh Hòa Bình) đường mặt nước tương đối phẳng, độ dốc mặt nước nhỏ nên chỉ diễn ra hiện tượng dâng mực nước do ảnh hưởng của hồ Hòa Bình mà không có hiện tượng chảy xiết do đó không cuốn trôi các bè cá. Phương án ứng phó cho các bè cá, các hộ nuôi thủy sản theo dõi thông báo tình huống vỡ đập, xả lũ có thể xảy ra để điều chỉnh dây nịt lồng cá để lên xuống theo mực nước hồ Hòa Bình.



- Hoạt động tàu thuyền trên lòng hồ Hòa Bình (Hạ lưu đập Sơn La): Các tàu thuyền đang hoạt động trên lòng hồ Hòa Bình kể từ hạ lưu đập Sơn La đến tuyến đập Hòa Bình khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũr tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền. Đặc biệt phạm vi từ hạ lưu tuyến đập Sơn La đến km100 về phía hạ lưu, theo tính toán đoạn này độ dốc mặt nước lớn nên dòng chảy xiết (dạng lũ quét) nên mức độ phá hủy cao, đoạn từ K100 đến Km200 tuyến đập Hòa Bình độ dốc mặt nước thấp nước

dâng lên theo mực nước hồ, tốc độ dòng chảy rất nhỏ nên sẽ không cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, các chủ tàu thuyền thực hiện nối dây neo thuyền để thuyền dâng lên theo mực nước hồ.

- Công tác thông báo cảnh báo cho khu vực hạ lưu : Khi có các tình huống xả lũ, vỡ đập thủy điện Sơn La, Công ty thủy điện Sơn La kịp thời thông báo cho Ban PTDS tỉnh Sơn La, Hòa Bình, theo quy chế phối hợp hàng năm để Ban PTDS các tỉnh kịp thời thông báo cho địa phương bị ảnh hưởng theo quy định quản lý nhà nước.

Đồng thời Công ty TĐ Sơn La sẽ kết hợp cùng Công ty thủy điện Hòa Bình sử dụng tàu cao tốc của hai Công ty đi thông báo bằng loa cho các tàu thuyền, các hộ dân trên lòng hồ kịp thời di chuyển lên bờ khi mà sự cố vỡ đập và xả lũ hồ Sơn La có thể xảy ra từ thông tin tính toán dự báo của Tổng cục KTTV cung cấp và Công điện xả lũ của Ban chỉ huy TW PTDS.

Công ty thủy điện Sơn La và Công ty thủy điện Hòa Bình thực hiện phối hợp đi thông báo cho các hộ dân trên lòng hồ Hòa Bình đang trên các bè cá, thuyền và các hoạt động khác để kịp thời di chuyển lên khỏi lòng hồ theo quy chế phối hợp do Tập đoàn ban hành năm 2021.

VI.4. Hoạt động dân sinh kinh tế trên lòng hồ thủy điện Sơn La (thượng lưu đập Sơn La).

1). Bến phà Nậm Ét: Phà Nậm Ét thuộc xã Nậm Ét, huyện Quỳnh Nhai.

Đây là khu vực ngay sau đập nên khi xảy ra tình huống vỡ đập hay xả lũ với lưu lượng lớn sẽ tạo độ dốc mặt nước lớn dẫn đến vận tốc dòng chảy sẽ xiết và làm cuốn chôi các tàu thuyền đang hoạt động tại vị trí bến phà. Phương án ứng phó, khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dừ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền.

2). Bến thủy nội địa:

Phạm vi bị ảnh hưởng trực tiếp sau đập sẽ sinh dòng chảy lũ khi xảy ra tình huống vỡ đập hoặc xả lũ thủy điện Sơn La,

- Bến cảng du lịch Pá Uôn thuộc xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai do Công ty cổ phần Cơ khí Sơn La đầu tư, quản lý.

- Bến khách ngang sông: huyện Quỳnh Nhai có 69 bến, huyện Thuận Châu có 14 bến, huyện Mường La có 24 bến.

Đây là khu vực ngay sau đập nên khi xảy ra tình huống vỡ đập hay xả lũ với lưu lượng lớn sẽ tạo độ dốc mặt nước lớn dẫn đến vận tốc dòng chảy sẽ xiết và làm cuốn trôi các tàu thuyền đang hoạt động tại vị trí bến thủy nội địa này. Phương án ứng phó, khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa

phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền.

3). Hoạt động nuôi thủy sản.

- Nuôi thủy sản trong các lồng cá trong lòng hồ Sơn La khu vực tỉnh Sơn La: Đặc biệt từ khu vực huyện Quỳnh Nhai ÷ đập Sơn La) cách tuyến đập Sơn La 50km có khoảng 6146 lồng cá sẽ bị ảnh hưởng với các tình huống khẩn cấp vỡ đập và xả lũ sẽ có nguy cơ cuốn trôi.

Stt	Địa bàn huyện	Đơn vị	Số lượng lồng cá
1	Quỳnh Nhai	Cái	4324
2	Thuận Châu	Cái	810
3	Mường La	Cái	1012
Tổng		Cái	6146

Đây là khu vực ngay sau đập nên khi xảy ra tình huống vỡ đập hay xả lũ với lưu lượng lớn sẽ tạo độ dốc mặt nước lớn dẫn đến vận tốc dòng chảy sẽ xiết và làm cuốn trôi các bè cá. Phương án ứng phó cho các hộ dân đang trên các bè cá kịp thời chạy lên khỏi mặt nước khi nhận được thông báo thông báo tình huống vỡ đập, xả lũ có thể xảy ra, điều chỉnh dây nịt bè cá để lên xuống theo mực nước hồ Sơn La.

- Nuôi thủy sản trong các lồng cá trong lòng hồ Sơn La khu vực tỉnh Lai Châu, Điện Biên: Phạm vi khu vực này cách xa khu vực tuyến đập nên khi xảy ra các kịch bản vỡ đập, xả lũ vận tốc dòng chảy sẽ không bị chảy xiết (độ dốc mặt nước nhỏ) nên mức độ ảnh hưởng cuốn trôi các lồng cá sẽ không bị. Phương án ứng phó, khi nhận được thông báo thông báo tình huống vỡ đập, xả lũ có thể xảy ra, điều chỉnh dây nịt bè cá để lên xuống theo mực nước hồ Sơn La.

4). Hoạt động tàu thuyền trên lòng hồ Sơn La (thượng lưu đập Sơn La):

Các tàu thuyền đang hoạt động trên lòng hồ Sơn La khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PTDS của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền,

5). Công tác thông báo cảnh báo cho khu vực thượng lưu:

Khi có các tình huống xả lũ, vỡ đập thủy điện Sơn La, Công ty thủy điện Sơn La kịp thời thông báo cho Ban PTDS tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu theo quy chế phối hợp hàng năm để Ban PTDS các tỉnh kịp thời thông báo cho địa phương bị ảnh hưởng theo quy định quản lý nhà nước.

Đồng thời Công ty TĐ Sơn La sẽ sử dụng tàu cao tốc của Công ty đi ngược về phía lòng hồ thông báo bằng loa cho các tàu thuyền, các hộ dân trên lòng hồ kịp

thời di chuyển lên bờ khi mà sự cố vỡ đập và xả lũ hồ Sơn La có thể xảy ra từ thông tin tính toán dự báo của Tổng cục KTTV cung cấp.

VII. Nội dung, hình thức cảnh báo; trách nhiệm truyền tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Nội dung, hình thức cảnh báo

1.1. Nội dung cảnh báo

- Lưu lượng về hồ.
- Mức nước hồ.
- Thời điểm xả lũ (trước 02 tiếng).
- Lưu lượng xả lũ.
- Kịch bản dự kiến phương án ứng phó.
- Dự kiến mực nước hạ lưu tăng theo các kịch bản.

1.2. Hình thức cảnh báo

Còi, loa cảnh báo lũ, điện thoại, tin nhắn, xe truyền thông di động, đài phát thanh truyền hình các cấp, fax, email, sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo) để truyền tin, văn bản để lưu hồ sơ.

Hệ thống loa cảnh báo lũ vùng hạ dung được Công ty đã lắp đặt và đưa vào vận hành 14 hệ thống loa cảnh báo vùng hạ du bị ảnh hưởng vận hành điều tiết hồ chứa Sơn La thường xuyên tại các bản ven sông của các xã Tạ Bú, Chiền San, Chiềng Hoa, Mường Chùm huyện Mường La, tỉnh Sơn La

2. Trách nhiệm truyền tin của các tổ chức, cá nhân liên quan

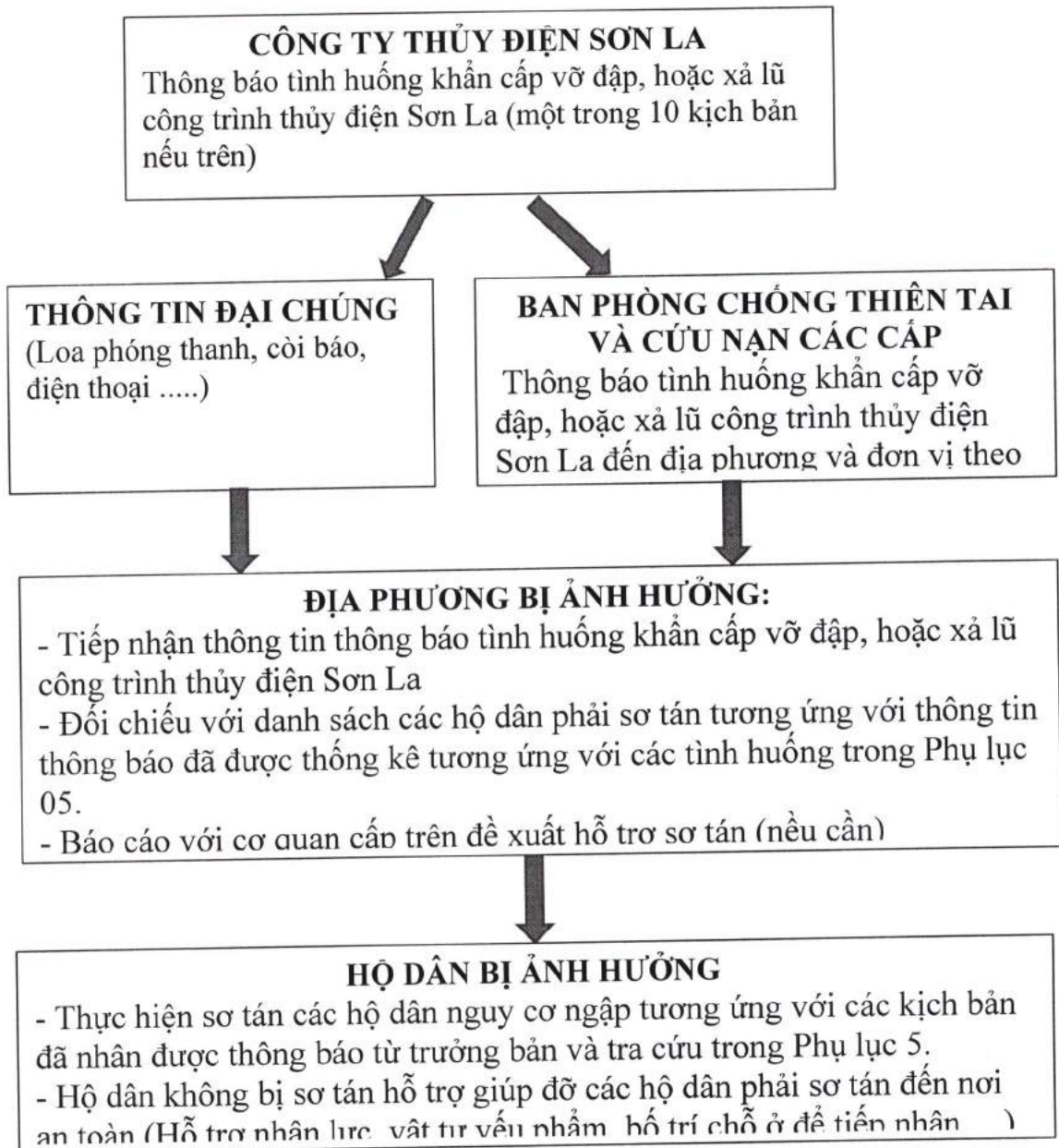
- Công ty Thủy điện Sơn La có trách nhiệm thông báo, cảnh báo tình trạng công trình và ứng xử của Công ty trong công tác điều tiết lũ. Cảnh báo mức độ ảnh hưởng đối với khu vực hạ du công trình đến UBND tỉnh Sơn La, Hòa Bình, thông báo đến Ban chỉ huy PTDS và TKCN các tỉnh Sơn La và Hòa Bình.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, xã vùng hạ du thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du; Đài phát thanh truyền hình tỉnh đưa tin thông báo, cảnh báo sâu rộng trong nhân dân; Ban chỉ huy PTDS và TKCN các tỉnh Sơn La và Hòa Bình thông báo đến Ban chỉ huy PTDS và TKCN địa phương theo quản lý ngành triển khai công tác phòng chống thiên tai theo đúng chức năng nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã vùng hạ du có trách nhiệm thông báo, cảnh báo đến nhân dân trong xã thời điểm và lưu lượng xả lũ của nhà máy; Cảnh báo mức độ ảnh hưởng của nước lũ đến khu vực hạ du; Chỉ đạo, yêu cầu nhân dân khu vực có nguy cơ ảnh hưởng di chuyển đến khu vực an toàn; Thông báo cho phía Công ty tình trạng an toàn hạ du để phối hợp trong công tác điều tiết; Báo cáo Ủy ban nhân dân huyện công tác ứng phó với tình huống xả lũ khẩn cấp của nhà máy và yêu cầu hỗ trợ khi cần thiết.

- Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã hạ du thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du; Đài phát thanh truyền hình huyện đưa tin thông báo, cảnh báo sâu rộng trong nhân dân; Các cơ quan ban ngành trong huyện triển khai công tác phòng chống thiên tai theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Sơ đồ triển khai công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp.



VIII. Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy điện; các cơ quan chức năng của địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

VIII.1. Trách nhiệm của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn.

- Chỉ đạo Công ty thủy điện Sơn La, Hòa Bình, Huội Quảng – Bản Chát tổ chức ứng phó với tình huống khẩn cấp.

- Báo cáo Bộ Công thương, Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa Sơn La khi có sự cố xảy ra.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp, phân phối hệ thống điện, vận hành các nhà máy điện được an toàn và đảm bảo hệ thống điện Quốc gia.

VIII.2. Trách nhiệm của Công ty Thủy điện Sơn La

- Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn.

- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra thực tế tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

- Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

- Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, lập kế hoạch xả nước như sau:

+ Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa.

+ Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành xả lũ.

+ Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn của các tổ máy phát điện.

+ Các nguồn cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng).

+ Phương án và các phương tiện thông tin liên lạc.

+ Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

+ Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

+ Công tác tính toán thủy văn, các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa.

+ Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ cho các chức danh có liên quan như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử.

- Phối hợp với các cơ quan ở địa phương của tỉnh Sơn La, Hòa Bình để thông báo và tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng chống lụt bão của hồ chứa thủy điện Sơn La, đặc biệt là với nhân dân sinh sống gần hạ lưu công trình.

- Trước khi vận hành mở các cửa xả đầu tiên phải thông báo trước 02 giờ đến Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và nhân

dân sinh sống ở khu vực hạ lưu Công trình thủy điện Sơn La để chủ động phòng tránh.

- Trước khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối, phải báo cáo Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La; Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Hòa Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La; Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia và thông báo cho các chủ đập ở phía thượng, hạ lưu Công trình thủy điện Sơn La để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

- Thông báo đến Công ty thủy điện Hòa Bình các tình huống khẩn cấp theo quy định tại Quyết định số 717/QĐ-EVN ngày 04/6/2021 về việc ban hành Quy định phối hợp giữa các Công ty thủy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam trên lưu vực sông Đà trong công tác đảm bảo an toàn công trình và vận hành điều tiết các hồ chứa thủy điện.

VIII.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

- Thường trực theo dõi diễn biến trong quá trình xả lũ.

- Chỉ đạo kịp thời UBND huyện Mường La, Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Phù Yên và Công ty Thủy điện Sơn La ứng phó khi có sự cố xảy ra;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

- Kịp thời huy động lực lượng ứng phó khi có đề nghị của UBND huyện Mường La, Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Phù Yên và báo cáo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp trên;

- Chỉ đạo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự huyện Mường La, Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Phù Yên và các địa phương, các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành Công trình thủy điện Sơn La.

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

VIII.4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Chỉ đạo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh thường trực theo dõi, cập nhật diễn biến trong quá trình xả lũ, báo cáo UBND tỉnh Hòa Bình và các cơ quan cấp trên theo quy định.

- Chỉ đạo kịp thời UBND thành phố Hòa Bình, UBND các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Cao Phong ứng phó khi có sự cố xảy ra;

+ Kịp thời huy động lực lượng ứng phó khi có đề nghị của UBND thành phố Hòa Bình, UBND các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Cao Phong và báo cáo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp trên;

+ Chỉ đạo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự: Thành phố Hòa Bình; các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Cao Phong và các địa phương, các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành Công trình thủy điện Sơn La.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

VIII.5. Trách nhiệm của Sở Công thương tỉnh Sơn La

- Kiểm tra, giám sát Công ty Thủy điện Sơn La thực hiện các quy định trong Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra trong công tác thực hiện các quy định tại Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La khi phát hiện những bất cập, hạn chế. Xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh Sơn La trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong phương án này.

VIII.6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La

Đôn đốc, hướng dẫn Công ty thủy điện Sơn La chấp hành việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước theo quy định tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và quy định pháp luật khác về tài nguyên nước có liên quan.

Chủ trì tổ chức lập Phương án ứng phó môi trường vùng hạ du và thượng lưu đập thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Sơn La sau khi xảy ra tình huống vỡ đập hoặc xả lũ thủy thủy điện Sơn La.

VIII.7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La

- Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, với vai trò là cơ quan thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh.

- Khi nhận được thông báo sự cố mất an toàn đập hồ chứa nước công trình thủy điện Sơn La của Công ty Thủy điện Sơn La, chủ động tham mưu Trưởng

Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh triển khai ngay các biện pháp đối phó phù hợp với từng tình huống nhằm hạn chế tác hại do sự cố đập gây ra.

- Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác diễn tập, phòng chống thiên tai.

- Phối hợp tham mưu cho UBND tỉnh Sơn La tổ chức công tác diễn tập phòng chống thiên tai hàng năm cho các địa phương bị ảnh hưởng theo từng cấp độ của các kịch bản xả lũ trong phương án.

VIII.8. Trách nhiệm của Công an tỉnh Sơn La

- Tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực khi xảy ra các tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Hỗ trợ công tác ứng phó thiên tai, ứng phó khẩn cấp khi có sự đề nghị của Công ty Thủy điện Sơn La hoặc các tổ chức cá nhân có liên quan trong công tác đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

VIII.9. Trách nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La

- Với vai trò là Phó Trưởng ban Thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh chủ động tham mưu với Trưởng Ban Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh nói chung và khu vực công trình thủy điện Sơn La nói riêng.

- Tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia hỗ trợ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La khi xảy ra thiên tai hoặc các tình huống mất an toàn đập, hồ chứa có nguy cơ mất toàn cho nhân dân và vùng hạ du.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan nắm và thông báo kịp thời tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tình hình liên quan đến âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng chống phá có ảnh hưởng đến vận hành, an toàn đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Hàng năm tham mưu nội dung điều hành, tập huấn cho các tổ chức liên quan về công tác phòng chống ứng phó và tổ chức diễn tập để chủ động ứng phó.

VIII.10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện vùng hạ du

- Sau khi nhận được thông báo của Công ty Thủy điện Sơn La, UBND các huyện kiểm tra tình hình thực hiện của UBND các xã trong vùng bị ảnh hưởng.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan, UBND các xã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Thành lập các tổ ứng phó thiên tai tại đơn vị Bản và có thể được trang bị các vật tư thiết bị cần thiết để đáp ứng PAUP. Các tổ ứng phó tại địa bàn Bản sẽ là nòng cốt ứng phó khi nhận được thông tin từ cấp xã và phát huy tốt nhân vật lực tại chỗ.

- Chỉ đạo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các xã, các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành Công trình thủy điện Sơn La.

- Tổ chức lực lượng sẵn sàng ứng phó khi có đề nghị của UBND cấp xã, phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La để xử lý sự cố, đồng thời báo cáo UBND cấp tỉnh.

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

- Chỉ đạo UBND các xã vùng hạ du rà soát phê duyệt các điểm để thực hiện di chuyển, sơ tán người dân khi có tình huống xảy ra.

VIII.11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã vùng hạ du

- Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn trong khu vực, nâng cao cảnh giác trong trường hợp mưa lớn dài ngày.

- Khi có thông báo xả lũ của Công ty Thủy điện Sơn La, nhanh chóng thông báo cho toàn bộ nhân dân vùng hạ du biết để có phương án đảm bảo an toàn; có hình thức cưỡng chế di dời khi cần thiết.

- Chuẩn bị vị trí và đề xuất cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng, nâng cấp trường học, trạm y tế, công trình công cộng, ... có tính đến nhu cầu kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai.

- Kiểm tra, chủ động tổ chức ứng phó khi có sự cố hạ du xảy ra và báo cáo tình hình, đề nghị hỗ trợ (nếu có) với UBND cấp trên đồng thời thông báo các thông tin cho Công ty Thủy điện Sơn La.

- Kiểm tra nắm rõ các vùng, khu dân cư có khả năng dễ xảy ra ngập lụt, thành lập đội xung kích thôn bản. Huy động mọi phương tiện, vật tư, hậu cần để giúp di dời người và tài sản.

Tuyên truyền cho người dân trong vùng lòng hồ Hòa Bình nắm bắt được các kịch bản ngập đã được thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng trong Phụ lục 05 của Phương án để biết phương án sơ tán.

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

- Rà soát các điểm để thực hiện di chuyển, sơ tán người dân khi có tình huống xảy ra, báo cáo UBND huyện phê duyệt.

VIII.12. Trách nhiệm của nhân dân các xã vùng hạ du đập:

Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình mưa lũ, các tình huống bất thường về thời tiết, thực hiện kịp thời và nghiêm túc các quyết định, hướng dẫn của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các xã trong công tác ứng cứu, di dời trong các tình huống khẩn cấp.

Khi có lũ, mọi người dân phải giúp đỡ lẫn nhau, người có phương tiện phải giúp đỡ người không có phương tiện, người có nhà cao phải giúp đỡ những gia đình ở nơi thấp lệt.

IX. Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

Thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ” gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phòng, ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai tiến tới giảm thiệt hại về người, cơ sở vật chất và tài sản của nhân dân do thiên tai gây ra trên cơ sở dựa vào nguồn lực tại chỗ,

IX.1. Công tác chuẩn bị nhân lực

IX.1.1. Trách nhiệm Công ty thủy điện Sơn La chuẩn bị nhân lực ứng phó tại tuyến công trình thủy điện Sơn La.

- Thành lập và phân công nhiệm vụ Ban Chỉ huy PTDS Công ty Thủy điện Sơn La.

- Thành lập Đội xung kích PTDS Công ty Thủy điện Sơn La. *(Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo).*

- Tổ chức bồi dưỡng và huấn luyện, kiểm tra nhân viên vận hành các chức danh, đồng thời tổ chức diễn tập sự cố vận hành đập tràn;

- Hiện nay, chế độ trực của nhà máy bố trí theo chế độ 3 ca, 6 kíp, mỗi ca trực vận hành bình thường có 7-8 NVVH, trong mùa mưa lũ yêu cầu NVVH trực tăng cường kiểm tra 3 lần/ca khu vực đập tràn. Khi có thao tác vận hành đập tràn, Công ty sẽ cử bổ sung thêm nhân viên trực vận hành và nhân viên PXSC hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện phiếu thao tác nâng/hạ cửa xả.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hiểm sẽ huy động nhân lực cả Công ty và đề nghị hỗ trợ thêm lực lượng từ các đơn vị lực lượng tại địa phương theo Quy chế phối hợp vận hành đã ký kết.

IX.1.2. Trách nhiệm địa phương chuẩn bị nhân lực ứng phó tại địa phương vùng hạ du (lòng hồ thủy điện Hòa Bình).

Khi nhận được thông báo khả năng vỡ đập hoặc phương án xả lũ từ Công ty thủy điện Sơn La theo các kịch bản, chính quyền địa phương và ban PTDS tại địa phương chủ động huy động nhân lực tại chỗ và lên kế hoạch huy động nhân lực hỗ trợ như đã nêu trong **Phụ lục 05**.

IX.2. Công tác chuẩn bị dụng cụ, phương tiện phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

IX.2.1. Phạm vi thuộc trách nhiệm Công ty thủy điện Sơn La.

Để công tác phòng chống thiên tai đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn cho người

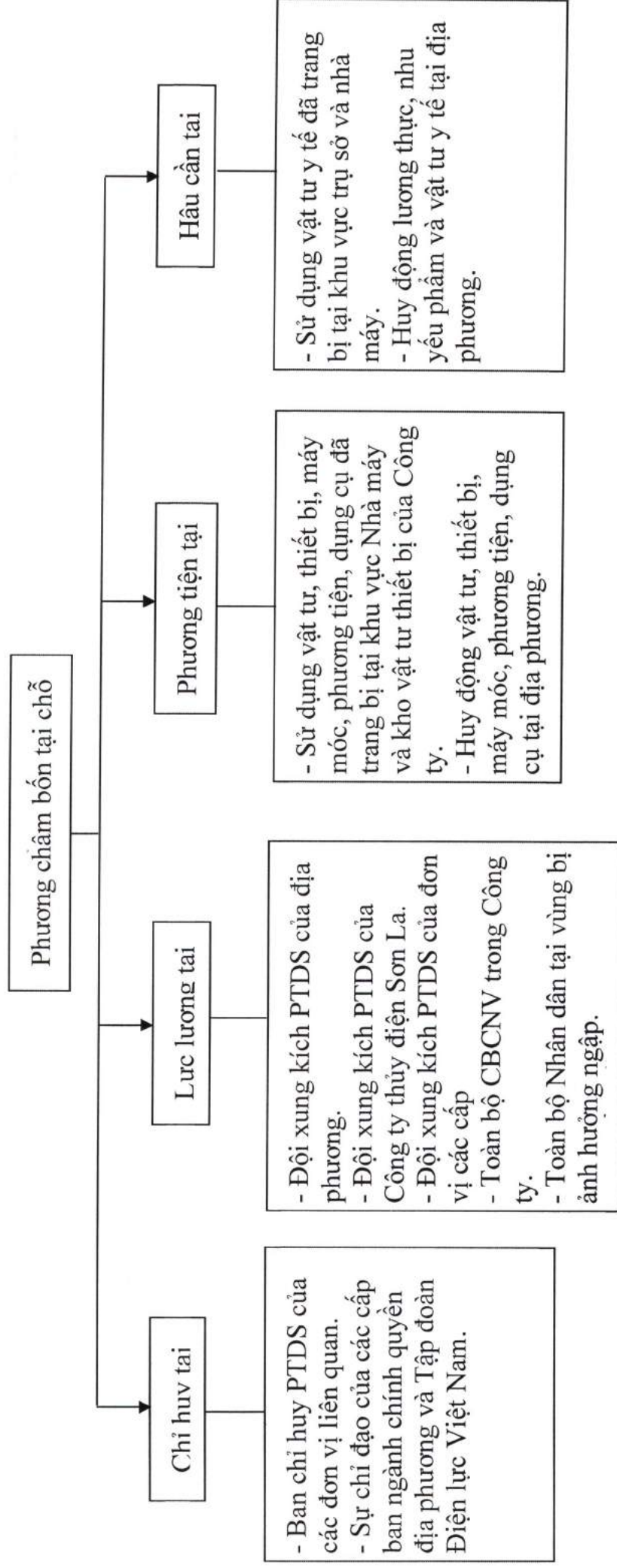
và công trình trong mùa mưa lũ, Công ty đã tiến hành mua sắm các loại vật tư, vật liệu dự phòng, dụng cụ, thiết bị, xe máy (*Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo*).

Ngoài các trang thiết bị, phương tiện kể trên, khi cần thiết Công ty sẽ huy động thêm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất trong Công ty và từ thị trấn Mường La để đáp ứng kịp thời trong những trường hợp khẩn cấp, Các vị trí tập kết vật tư, vật liệu, máy móc dụng cụ, ... đều được bố trí ngay tại nhà máy và xung quanh nhà máy (không quá 2km) thuận lợi cho việc huy động khi xảy ra sự cố.

IX.2.2. Phạm vi trách nhiệm địa phương tại vùng ngập.

Khi nhận được thông báo khả năng vỡ đập hoặc phương án xả lũ từ Công ty thủy điện Sơn La theo các kịch bản, chính quyền địa phương và ban PTDS tại địa phương chủ động huy động dụng cụ, phương tiện phục tại chỗ và lên kế hoạch huy động hỗ trợ từ PTDS từ vùng không bị ảnh hưởng, PTDS cấp trên như trong sơ đồ huy động vật tư, phương tiện, nhân lực và nêu trong **Phụ lục 05**.

Hình. Sơ đồ huy động vật tư, phương tiện, nhân lực



X. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức khai thác đập, hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn đập, hồ chứa.

1. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự Công ty Thủy điện Sơn La

TT	Họ và Tên	Chức danh	Chức vụ - Đơn vị	Số điện thoại	Ghi chú
I	Danh sách các thành viên Công ty Thủy điện Sơn La				
1	Khuông Thế Anh	Trưởng Ban	Giám đốc	0962.552.888	Chỉ đạo, điều hành chung
2	Lưu Khánh Toàn	Phó Ban	Chủ tịch CĐ, Phó Giám đốc	0962.215.789	Trực tiếp tại NMTĐ Sơn La theo lịch trực lãnh đạo hàng tháng
3	Nguyễn Xuân Phong	Phó Ban	Phó Giám đốc	0983.220.985	Trực tiếp tại NMTĐ Sơn La theo lịch trực lãnh đạo hàng tháng
4	Đỗ Việt Bách	Ủy viên TT	Trưởng phòng KTAT	0969.596.989	
5	Trần Văn Phước	Ủy viên	PP. KTAT	0978.158.197	
6	Lê Quế Lâm	Ủy viên	PP. KTAT	0969.605.818	
7	Bùi Quang Thế	Ủy viên	PP. KTAT	0977.594.668	Thư ký
8	Hoàng Thanh Bình	Ủy viên	CB phụ trách an toàn. P.KTAT	0974.952.924	Khu vực Sơn La
9	Lê Anh Sơn	Ủy viên	CB phụ trách an toàn. P.KTAT	0349.598.495	Khu vực Lai Châu
10	Vũ Ngọc	Ủy viên	Kỹ sư TVMT P.KTAT	0966.834.686	
11	Nguyễn Thị Thanh Quý	Ủy viên	Kế toán trưởng	0963.059.666	
12	Vũ Minh	Ủy viên	TP.HCLĐ	0968.1882.99	
13	Bùi Việt Dũng	Ủy viên	PP. HCLĐ	0963.559.340	Khu vực Sơn La
14	Nguyễn Văn Tiệp	Ủy viên	PP. HCLĐ	0979.787.353	Khu vực Sơn La
15	Nguyễn Xuân Nam	Ủy viên	PP. HCLĐ	0965.006.374	Khu vực Lai Châu
16	Nguyễn Tuấn Dũng	Ủy viên	Trưởng phòng KHVT	0968.115.585	
17	Mai Đức Tiệp	Ủy viên	QĐ PXVHSL	0969.4452.00	Khu vực Sơn La
18	Hoàng Văn Tý	Ủy viên	PQĐ PXVHSL	0976.528.462	Khu vực Sơn La
19	Vì Thanh An	Ủy viên	PQĐ PXVHSL	0984.968.980	Khu vực Sơn La

TT	Họ và Tên	Chức danh	Chức vụ - Đơn vị	Số điện thoại	Ghi chú
20	Nguyễn Văn Tiệp (B)	Ủy viên	QĐ PXVHLC; BT ĐTN	0973.537.492	Khu vực Lai Châu
21	Phạm Xuân Tuấn	Ủy viên	PQĐ PXVH Lai Châu	0966.543.777	Khu vực Lai Châu
22	Nguyễn Việt Anh	Ủy viên	GĐ TTKSATCT trên bậc thang TĐ sông Đà	0977.826.074	
23	Cầm Kim Thạch	Ủy viên	PGĐ TTKSATCT trên bậc thang TĐ sông Đà	0976.812.959	Khu vực Sơn La
24	Vũ Công Nam	Ủy viên	PGĐ TTKSATCT trên bậc thang TĐ sông Đà	0988.045.045	Khu vực Lai Châu
II	Danh sách các thành viên Trung tâm dịch vụ sửa chữa EVN (EVNPSC)				
25	Trần Văn Thừa	Ủy viên	Trưởng đại diện tại Sơn La	0986.153.162	Chỉ đạo điều hành chung tại NMTĐ Sơn La
26	Đào Văn Quang	Ủy viên	Quản đốc PXSC cơ khí Sơn La	0985.118.887	Phụ trách khu vực Sơn La
27	Đoàn Huy Hùng	Ủy viên	PQĐ PXSC CK Sơn La	0983.302.758	Phụ trách khu vực Sơn La

2. Đội xung kích PTDS Công ty thủy điện Sơn La

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
I	Đội số 1 (Phân xưởng Vận hành Sơn La): Đội Trưởng Đoàn Xuân Thắng - 0343.266.789, Đội phó Lâm Chiến Hào - 0967.149.589, Chủ Ngọc Sơn - 0963.311.863.				
		Kíp 1			
1	1	Nguyễn Mạnh Cường	Trưởng ca	0979786917	
2	2	Chủ Ngọc Sơn	Trưởng kíp	0963311863	Đội phó
3	3	Đào Việt Anh	Trực ĐKTT	0967481899	
4	4	Nguyễn Doãn Quang	Trực GM	0334646000	
5	5	Bùi Lâm Tùng	Trực GM	0972909939	
6	6	Đỗ Đức Đạt	Trực GM	0968538512	
7	7	Nguyễn Thành Lê	Trực TPP	0988888824	
8	8	Nguyễn Cao Trường	Trực TPP	0968242479	
		Kíp 2			
9	1	Vũ Đức Lượng	Trưởng ca	0979578360	
10	2	Lâm Chiến Hào	Trưởng kíp	0967149589	Đội phó
11	3	Phạm Hữu Hoàn	Trực ĐKTT	0984686745	
12	4	Nguyễn Bá Hùng	Trực GM	0943086333	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
13	5	Phạm Văn Tuấn	Trực GM	0983748012	
14	6	Vũ Văn Cường	Trực TPP	0964947887	
15	7	Phạm Thái Dũng	Trực TPP	0978651681	
16	8	Trần Hoàng Anh	Trực GM	0972156959	
17	9	Vũ Đức Lượng	Trưởng ca	0979578360	
		Kíp 3			
18	1	Đặng Quang Huy	Trưởng ca	0974.221.696	
19	2	Ngô Mạnh Hùng	Trưởng kíp	0986.351.790	
20	3	Đặng Quang Trung	Trực ĐKTT	0972.735.510	
21	4	Nguyễn Hữu Cương	Trực Gian máy	0979.056.351	
22	5	Đỗ Trung Kiên	Trực Gian máy	0974.006.377	
23	6	Phạm Quốc Phong	Trực Gian máy	0977.067.057	
24	7	Nguyễn Văn Vũ	Trực Gian máy	0978.845.385	
25	8	Nguyễn Quốc Cường	Trực Gian máy	0938.811.987	
26	9	Nguyễn Việt Thắng	Trực TPP	0975.888.531	
		Kíp 4			
27	1	Nguyễn Ngọc Hữu	Trưởng ca	0987806534	
28	2	Phan Thành Đa	Trưởng kíp	0904261989	
29	3	Nguyễn Thế Văn	Trực ĐKTT	0966122668	
30	4	Nguyễn Đình Quyết	Trực GM	0985126853	
31	5	Trần Minh Mừng	Trực GM	0979816963	
32	6	Ngô Đức Hoàng	Trực GM	0984854448	
33	7	Nguyễn Gia Chiến	Trực TPP	0348431989	
34	8	Nguyễn Bình Tuấn	Trực TPP	0987526268	
		Kíp 5			
35	1	Trần Ngọc Đan	Trưởng ca	0966567737	
36	2	Lê Tuấn Linh	Trưởng kíp	0976888465	
37	3	Hà Thành Nam	Trực ĐKTT	0981019899	
38	4	Lê Văn Tùng	Trực ĐKTT	0396373333	
39	5	Lò Văn Thuận	Trực GM	0984522626	
40	6	Bùi Quang Thượng	Trực GM	0987456387	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
41	7	Phạm Thế Mạnh	Trực GM	0334567000	
42	8	Vũ Văn Quỳnh	Trực TPP	0962202388	
43	9	Nguyễn Quang Trí	Trực GM	0979172236	
		Kíp 6			
44	1	Nguyễn Văn Tuyển	Trưởng ca	0987171322	
45	2	Đoàn Xuân Thắng	Trưởng kíp	0343266789	Đội trưởng
46	3	Ngô Tùng Lâm	Trực ĐKTT	0982150051	
47	4	Cao Đăng Hợp	Trực GM	0984913007	
48	5	Trần Văn Nghĩa	Trực GM	0966814123	
49	6	Triệu Doãn Quỳnh	Trực GM	0326526268	
50	7	Lò Văn Nhất	Trực TPP	0974252387	
51	8	Phạm Thành Lực	Trực TPP	0972503349	
52	9	Hà Ngọc Anh	Trực GM	0978182911	
		Tổ Công nghệ thông tin			
53	1	Đặng Hồng Quyền	Kỹ sư CNTT	0367.805.494	
54	2	Bùi Duy Khánh	Công nhân	0986.460.334	Luân chuyển SL-LC
55	3	Nguyễn Như Khanh	Kỹ sư CNTT	0965.653.777	Khu vực LC
56	4	Nguyễn Trung Thành	Công nhân	0982.267.667	Luân chuyển SL-LC
II		Đội số 2 (Trung tâm kiểm soát an toàn): Đội trưởng Phạm Nhất Linh - 0978.208.807; Đội phó Hà Thanh Nam - 0979.414.707.			
57	1	Phạm Nhất Linh	Tổ trưởng tổ CT	0978.208.807	Đội trưởng
58	2	Nguyễn Trung Hiếu	Kỹ sư	0988.407.929	
59	3	Phạm Minh Duân	Kỹ sư	0983.424.857	
60	4	Trần Tuấn Anh	Kỹ sư	0985.118.580	
61	5	Lò Văn Lâm	CNKT	0367.552.144	
62	6	Hoàng Hồng Quân	CNKT	0396.560.688	
63	7	Phạm Trung Thành	CNKT	0989.237.786	
64	8	Lê Việt Dũng	CNKT	0988.565.224	
65	9	Đỗ Vinh Quang	CNKT	0975.911.985	
66	10	Trần Văn Khoa	CNKT	0987.964.142	
67	11	Nguyễn Văn Nam	CNKT	0353.640.389	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
68	12	Lê Ngọc Hiền	CNKT	0977.934.678	
69	13	Trần Quang Thảo	Tổ trưởng QT	0983.407.053	
70	14	Hà Thanh Nam	Kỹ sư	0979.414.707	Đội phó
71	15	Phạm Khánh Linh	Kỹ sư	0966.973.090	
72	16	Vũ Phi Long	Kỹ sư	0971.288.069	
73	17	Nguyễn Lê Trung	CNKT	0868.889.900	
74	18	Nguyễn Bá Bắc	CNKT	0974.567.203	
75	19	Phan Sỹ Huynh	CNKT	0974.613.737	
76	20	Nguyễn Bá Mậu	CNKT	0984.709.684	
77	21	Lò Văn Thương	CNKT	0374.902.087	
78	22	Lò Ngọc Tú	CNKT	0989.765.866	
III		Đội số 3 (Phòng HCLĐ và Phòng KHVT): Đội trưởng Hà Văn Tiệp - 0396750832; Đội phó Nguyễn Tử Sơn Hà - 0962.379.288; Đội phó Nguyễn Văn Kiên - 0987 047 501.			
		Tổ kho - Phòng KHVT			
79	1	Nguyễn Tử Sơn Hà	Thủ kho	0962.379.288	Đội phó
80	2	Vũ Nho Bảy	Phụ kho	0975.299.250	
81	3	Nguyễn Ngọc Dương	Phụ kho	0915.097.677	
		Tổ bảo vệ, tổ HCQT Sơn La - Phòng HCLĐ			
	-	Tại NMTĐ Sơn La			
82	1	Trần Quốc Cường	T. trưởng	0378980898	
83	2	Hà Văn Tiệp	NVBV	0396750832	Đội trưởng
84	3	Lê Hoàng Anh	CNSC Điện	0965419988	
85	4	Nguyễn Văn Trung	NVBV	0384 523 177	
86	5	Lê Văn Đạo	NVBV	0974.798.138	
87	6	Lê Văn Tuấn	NVBV	0845. 968 029	
88	7	Đoàn Văn Thắng	NVBV	0384. 678 628	
89	8	Trịnh Văn Nam	NVBV	0339.905 536	
90	9	Vũ Thế Long	NVBV	0978498324	
91	10	Dương Văn Hải	NVBV	0978 278 936	
92	11	Hoàng Văn Tiến	NVBV	0977924443	
93	12	Xa Văn Tiên	NVBV	0375519099	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
94	13	Phạm Trọng Khởi	NVBV	0387602177	
95	14	Bùi Quốc Thảo	NVBV	0975181379	
96	15	Trần Văn Việt	Lái Tàu	0947148662	
97	16	Bùi Hồng Kỳ	Máy tàu, lái xe	0978968118	
98	17	Nguyễn Văn Nhất	Lái tàu, Lái xe	0978272499	
99	18	Chu Quyết Thắng	lái xe	0975162599	
100	19	Trần Tiến Đạt	lái xe	0976997379	
101	20	Nguyễn Cao Sơn	lái xe	0974086879	
		Tại Thành phố Sơn La			
102	21	Hoàng Văn Quỳnh	NVBV	0395 839 037	
103	22	Nguyễn Khắc Tú	NVBV	0946 026 609	
104	23	Nguyễn Văn Kiên	NVBV	0987 047 501	Đội phó
105	24	Vũ Chí Thanh	lái xe	0903475761	
106	25	Đoàn Quang Thọ	lái xe	0868270558	
107	26	Nguyễn Quốc Huy	NV phục vụ	0987300366	
IV		Đội số 4 (EVN PSC Sơn La): Đội Trưởng Tổng Ngọc Quang- 0978.969.512; Đội phó Phạm Phương Nam - 0973.416.429, Đội phó Nguyễn Hữu Phúc - 0368.089.345			
	-	PXSC Điện - Tự động			
108	1	Quảng Văn Kỳ	Công nhân PXSCĐ-TĐ	0976.909.366	
109	2	Hoàng Xuân Hòa	Kỹ sư	0971.939.191	
110	3	Khương Xuân Cước	Kỹ sư	0334.973.888	
111	4	Lê Đăng Chính	Công nhân	0989.632.538	
112	5	Nguyễn Hữu Phúc	Kỹ sư	0368.089.345	Đội phó
113	6	Ngô Kim Tiền	Công nhân	0868.898.589	
114	7	Nguyễn Xuân Hải	Kỹ sư	0385.757.125	
115	8	Nguyễn Mạnh Cường A	Công nhân	0946.645.672	
116	9	Hồ Hữu Huân	Công nhân	0977.670.888	
117	10	Trần Khánh Duy	Tổ trưởng	0969.009.233	
118	11	Đỗ Văn Quang	Kỹ sư	0978.989.227	
119	12	Phạm Phương Nam	Kỹ sư	0973.416.429	Đội phó
120	13	Nguyễn Trọng Bắc	Công nhân	0973.868.497	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
121	14	Vũ Ngọc Tân	Công nhân	0962.664.888	
122	15	Nguyễn Xuân Thắng	Công nhân	0374.924.234	
123	16	Vũ Quang Hanh	Công nhân	0974.980.814	
124	17	Nguyễn Trường Sơn	Công nhân	0399.395.997	
125	18	Nguyễn Trung Phú	Công nhân	0981.246.266	
126	19	Đỗ Ba Duy	Công nhân	0394.884.960	
127	20	Lâm Nam Sơn	Công nhân	0977.656.234	
128	21	Nguyễn Văn Nhị	Công nhân	0966.135.828	
129	22	Hồ Xuân Thống	Công nhân	0829.376.868	
130	23	Bùi Thị Phương Thảo	Công nhân	0388.500.019	
131	24	Thiều Thu Hà	Công nhân	0972.882.081	
132	25	Tạ Thị Nhung	Công nhân	0982.712.356	
	-	PXSC Cơ khí Sơn La			
133	26	Tổng Ngọc Quang	Tổ trưởng	0978.969.512	Đội trưởng
134	27	Nguyễn Quang Trung	Tổ trưởng	0979.697.645	
135	28	Nguyễn Hữu Sáng	Lái xe	0962.033.889	
136	29	Phạm Thanh Tùng	Lái xe	0962.033.889	
137	30	Phạm Nguyên Hoàng	Lái xe	0962.033.889	
138	31	Phan Lê Đức	Kỹ sư	0964.867.595	
139	32	Quách Văn Việt	Công nhân	0986.508.821	
140	33	Đinh Xuân Quỳnh	Công nhân	0989.449.883	
141	34	Trần Văn Bộ	Công nhân	0978.851.220	
142	35	Đặng Minh Kỳ	Công nhân	0972.782.114	
143	36	Trần Duy Ước	Công nhân	0986.006.638	
144	37	Ngô Văn Thúc	Công nhân	0985.500.811	
145	38	Trần Cao Điển	Công nhân	0373.393.311	
146	39	Khuong Ngọc Khuê	Công nhân	0396.921.992	
147	40	Đỗ Văn Bình	Công nhân	0974.807.328	
148	41	Đinh Đức Anh	Công nhân	0355.663.200	
149	42	Nguyễn Tuấn Anh (A)	Công nhân	0976.372.458	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại	Ghi chú
150	43	Nguyễn Trung Tuyên	Công nhân	0869.717.889	
151	44	Trịnh Văn Hoàng	Công nhân	0984.252.369	
152	45	Vũ Văn Phương	Công nhân	0984.214.936	
153	46	Đinh Văn Trường	Công nhân	0973.876.709	
154	47	Bùi Hồng Hà	Công nhân	0984.691.479	
155	48	Phạm Văn Thủy	Công nhân	0975.527.161	
156	49	Phạm Văn Được	Công nhân	0848.246.661	
157	50	Nguyễn Thanh Tuấn (A)	Công nhân	0972.648.899	
158	51	Tổng Viết Tuấn	Công nhân	0336.488.807	
159	52	Đặng Văn Quy	Công nhân	0985.456.926	
160	53	Đinh Văn Lâm	Công nhân	0979.513.560	
161	54	Nguyễn Thanh Hải (B)	Công nhân	0979.056.322	
162	55	Lò Ngọc Tuấn	Công nhân	0984.081.985	
163	56	Nguyễn Văn Trường	Công nhân	0979.586.033	
164	57	Lò Văn Thuận	Công nhân	0345.221.056	
165	58	Nguyễn Trung Hiếu	Công nhân	0766.671.211	
166	59	Nguyễn Mạnh Tiến (A)	Công nhân	0914.838.161	
167	60	Tòng Văn Thuận	Công nhân	0376.107.910	
168	61	Mai Văn Dũng	Công nhân	0982.200.625	
169	62	Bùi Văn Đông	Công nhân	0393.737.628	
170	63	Trần Văn Việt	Công nhân	0967.822.389	
171	64	Nguyễn Mạnh Phúc	Công nhân	0986.089.502	
172	65	Nguyễn Trọng Hùng	Công nhân	0973.005.089	
173	66	Hán Sơn Tùng	Công nhân	0976.496.776	
174	67	Đoàn Anh Tuấn	Công nhân	0987.131.451	
175	68	Phạm Huy Hùng	Công nhân	0988.736.600	
176	69	Nguyễn Tiến Minh	Công nhân	0987.477.736	
177	70	Lê Đăng Chinh	Công nhân	0962.396.459	
178	71	Lò Văn Thiên	Công nhân	0985.279.965	

3. Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự Quốc gia

TT	Danh sách	Số điện thoại
1	Văn phòng thường trực	02437335694 02437335695

4. Ban chỉ huy PTDS Bộ Công Thương

TT	Danh sách	Số điện thoại
1	Văn phòng BCH PTDS Bộ Công Thương. Mail: CLB_BCT@moit.gov.vn	02422218320 02422218321
2	Ông Nguyễn Sinh Nhật Tân – Thứ Trưởng - Trưởng Ban BCH PTDS Bộ Công Thương	02422202206
4	Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Phó trưởng ban thường trực BCH PTDS Bộ Công thương.	02422218318
5	Phó Cục trưởng Cục ATMT, Chánh Văn phòng thường trực BCH PTDS Bộ Công thương.	02422218316

5. Ban chỉ huy PTDS Tập đoàn Điện lực Việt Nam

TT	Danh sách	Số điện thoại
1	Ông Ngô Sơn Hải - Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban	0966789789
2	Ông Đỗ Đức Hùng - CT Công đoàn EVN - Phó Trưởng ban	0968017999
3	Ông: Phạm Hồng Long – Trưởng ban An toàn - Ủy viên thường trực	0966861111

6. Ban chỉ huy PTDS các tỉnh Sơn La và Hòa Bình

6.1. Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La (Chi cục Thủy lợi) ngõ 12 đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La:

- Điện thoại: 02123852132 - Email: ttpcbsonla@gmail.com

- Số điện thoại thông tin liên lạc PTDS xã huyện:

Stt	Xã (Thị trấn)	Huyện	Tỉnh	SĐT Trưởng ban PTDS xã	SĐT Phó trưởng ban PTDS xã	SĐT Trưởng (phó) ban PTDS huyện
1	Ít Ong	Mường La	Sơn La	Trần Hải Sơn (0816711999)	Trần Quốc Khánh (0836895999)	Nguyễn Văn Tâm PCT (0913313828)
2	Chiềng San	Mường La	Sơn La	Lò Văn Hặc (0366704381)	Cầm Văn Trường (0389509577)	Nguyễn Văn Tâm PCT (0913313828)
3	Tạ Bú	Mường La	Sơn La	Lò Văn Bước (0386803092)	Điêu Văn Minh (0988654820)	Nguyễn Văn Tâm PCT (0913313828)
4	Chiềng Hoa	Mường La	Sơn La	Nguyễn Đình Công (0346088889)	Lò Văn Đăng (0985247786)	Nguyễn Văn Tâm PCT (0913313828)
5	Mường Chùm	Mường La	Sơn La	Lò Văn Dong (0334099852)	Lèo Văn Phúc (0363409165)	Nguyễn Văn Tâm PCT (0913313828)
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	Sơn La	Lường Văn Tiệp (021265447999)	Nguyễn Văn Tiến (0354122452)	Vũ Tiến Đình CT (0911353569)
7	Tà Hộc	Mai Sơn	Sơn La	Mùa A Thái (0983950988)	Lò Văn Phong (0976360938)	Vũ Tiến Đình CT (0911353569)

Stt	Xã (Thị trấn)	Huyện	Tỉnh	SĐT Trưởng ban PTDS xã	SĐT Phó trưởng ban PTDS xã	SĐT Trưởng (phó) ban PTDS huyện
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	Sơn La	Lò Văn Thuận (0337074850)	Vì Thị Mùi (0964165020)	Trịnh Thị Phụng PCT (0963020780)
9	Chim Vàn	Bắc Yên	Sơn La	Đinh Thị Huyền (0963057551)	Đinh Văn Khấn (0962190335)	Trịnh Thị Phụng PCT (0963020780)
10	Mường Khoa	Bắc Yên	Sơn La	Lừ Văn Chuyên (0376699060)	Lừ Văn Công (0379582998)	Trịnh Thị Phụng PCT (0963020780)
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	Sơn La	Quảng Văn Quyền (0344900523)	Đinh Văn Khiêm (0357950389)	Trịnh Thị Phụng PCT (0963020780)
12	Sông Pe	Bắc Yên	Sơn La	Đinh Thị Bích (0982238552)	Lý Văn Cường (0388018139)	Trịnh Thị Phụng PCT (0963020780)
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	Sơn La	Đinh Văn Ngoãn (0388979042)	Đinh Văn Nam (0375987836)	Trịnh Thị Phụng PCT (0963020780)
14	Đá Đỏ	Phù Yên	Sơn La	Đinh Văn Tư (0985080373)	Đinh Văn Quê (0982065914)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
15	Bắc Phong	Phù Yên	Sơn La	Đinh Công Máu (0984929482)	Đinh Công Thẩm (0372874300)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
16	Tân Phong	Phù Yên	Sơn La	Đinh Văn Thái (0346220824)	Đinh Văn Giang (0353440209)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
17	Nam Phong	Phù Yên	Sơn La	Bùi Văn Thương (0974794881)	Đinh Văn Ích (0326723641)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
18	Tường Tiến	Phù Yên	Sơn La	Cầm Văn Chiên (0372236195)	Lường Văn Trung (0344940957)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
19	Tường Phong	Phù Yên	Sơn La	Vì Minh Hoài (0987307297)	Cầm Văn Thống (0812680388)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
20	Tường Thượng	Phù Yên	Sơn La	Đinh Văn Hoàn (0376314909)	Đinh Văn Thông (0985533112)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
21	Tường Hạ	Phù Yên	Sơn La	Hà Văn Tình (0392912883)	Lường Văn Linh (0985073654)	Đinh Thị Thu Hà PCT (0962269145)
22	Tân Hợp	Mộc Châu	Sơn La	Đinh Văn Thuận (0985537984)	Mùi Văn Đồng (0342029222)	PCT Trương Hoa Bắc (0912757186)
23	Quy Hướng	Mộc Châu	Sơn La	Mùi Văn Sứ (0845845288)	Lường Thị Phụng (0393222997)	PCT Trương Hoa Bắc (0912757186)
24	Liên Hòa	Vân Hồ	Sơn La	Đinh Văn Như (0889550078)	Vì Văn Tuấn (0867871982)	Nguyễn Quang Huân PCT (0915350934)
25	Song Khùa	Vân Hồ	Sơn La	Vì Văn Luyện (0836567126)	Mùi Văn Hoàng (0388383902)	Nguyễn Quang Huân PCT (0915350934)
26	Quang Minh	Vân Hồ	Sơn La	Đỗ Thanh Tùng (0559248348)	Hà Văn Thống (0815877528)	Nguyễn Quang Huân PCT (0915350934)

6.2. Văn phòng thường trực PTDS tỉnh Hòa Bình: số 439, Đường Hòa Bình, Phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình:

- Điện thoại: 02183852309

- Email: thuyloihb@gmail.com

- Số điện thoại thông tin liên lạc PTDS xã / huyện:

Stt	Xã (Thị trấn)	Huyện	Tỉnh	SĐT Trưởng ban PTDS xã	SĐT Phó trưởng ban PTDS xã	SĐT Trưởng(phó) ban PTDS huyện
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	Hòa Bình	Bùi Mạnh Hường (0336159578)	Bùi Văn Phúc (0397633588)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	Hòa Bình	Đặng Minh Tấn (0969462299)	Sa Văn Thuận (0357068748)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	Hòa Bình	Hà Văn Tùng (0363305469)	Lường Xuân Hậu (0977522727)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
4	Đồng Chum	Đà Bắc	Hòa Bình	Lường Văn Thịnh (0388544838)	Lường Văn Tâm (0972956391)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
5	Yên Hòa	Đà Bắc	Hòa Bình	Lường Văn Xứng (0365033845)	Bùi Văn Thương (0971099881)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
6	Tiền Phong	Đà Bắc	Hòa Bình	Xa Văn Thức (0388629672)	Lò Văn Tuấn (0367329307)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
7	Hiền Lương	Đà Bắc	Hòa Bình	Xa Văn Hoè (0329337982)	Quách Như Sơn 0865298168)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	Hòa Bình	Đinh Thị Cúc (0947579174)	Đỗ Viết Thạch (0366121424)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	Hòa Bình	Xa Văn Sĩ (0336762618)	Bản Văn Khánh (0377862483)	Nguyễn Thanh Tuấn PCT (0966338568)
10	Sơn Thủy	Mai Châu	Hòa Bình	Bùi Văn Đông (0398030698)	Bùi Văn Luân (0334798919)	Hà Trung Thảo PCT (0979237226)
11	Tân Thành	Mai Châu	Hòa Bình	Đinh Văn Kiệm (0974125992)	Đinh Văn Khánh (0382595099)	Hà Trung Thảo PCT (0979237226)
12	Bình Thanh	Cao Phong	Hòa Bình	Nguyễn Văn Thưởng (0388891616)	Đinh Văn Lâm (0349029994)	Bùi Hoài Nhi (0915121693)
13	Thung Nai	Cao Phong	Hòa Bình	Bùi Thị Luyến (0366723468)	Bùi Văn Tuyền (0969775509)	Bùi Hoài Nhi (0915121693)
14	Suối Hoa	Tân Lạc	Hòa Bình	Bùi Văn Mùi (0888630279)	Đinh Văn Bượng (0367072840)	Đinh Duy Khải PCT (0916431961)
15	Hòa Bình	TP. Hòa Bình	Hòa Bình	Hà Văn Thiêm (0912915532)	Nguyễn Thế Lực (0983901451)	Đỗ Việt Triều PCT. TP (0912547563)
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	Hòa Bình	Bùi Thế Dương (0986505727)	Trần Thị Cúc (0888097768)	Đỗ Việt Triều PCT. TP (0912547563)

7. Công ty Thủy điện Hòa Bình

TT	Danh sách	Số điện thoại
1	Ông Phạm Văn Vương - Giám đốc	0963.147.866

2	Ông Lê Văn Quyết - Phó Giám đốc	0977.740.021
3	Trực ban – Trưởng ca nhà máy (24/24h)	0218.3888.003 0218.2210.343

XI. Các căn cứ và tài liệu sử dụng để lập phương án

1. Nghị định số 114/20018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

3. Quyết định 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng;

4. Tập báo cáo kỹ thuật xây dựng Bản đồ ngập lụt trong các tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập hệ thống thủy điện bậc thang trên lưu vực sông Đà được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tạm thời tại Quyết định số 4181/QĐ-BNN-PTDS ngày 27/10/2021;

5. Tài liệu thiết kế kỹ thuật Công trình thủy điện Sơn La.

6. Quyết định số 4753/QĐ-BCT ngày 24/12/2018 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Sơn La;

Phụ lục 01: Diện tích ngập theo các tình huống khẩn cấp vỡ đập

Bảng 01 – PL01: Diễn tích ngập PA1.3

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	103.24
2	Chiềng San	Mường La	105.67
3	Tạ Bú	Mường La	146.58
4	Chiềng Hoa	Mường La	105.84
5	Mường Chùm	Mường La	33.41
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	51.20
7	Tà Hộc	Mai Sơn	57.22
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	54.43
9	Chim Vân	Bắc Yên	52.91
10	Mường Khoa	Bắc Yên	23.51
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	98.27
12	Song Pe	Bắc Yên	114.70
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	49.73
14	Đá Đỏ	Phù Yên	54.67
15	Bắc Phong	Phù Yên	37.06
16	Tân Phong	Phù Yên	26.53
17	Nam Phong	Phù Yên	74.62
18	Tường Tiến	Phù Yên	19.64
19	Tường Phong	Phù Yên	25.25
20	Tường Thượng	Phù Yên	64.84

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
21	Tường Hạ	Phù Yên	57.22
22	Tân Hợp	Mộc Châu	34.20
23	Qui Hướng	Mộc Châu	21.08
24	Liên Hoà	Vân Hồ	24.24
25	Song Khùa	Vân Hồ	6.82
26	Quang Minh	Vân Hồ	11.31
27	Mường Tè	Vân Hồ	2.16
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	31,56
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	12,55
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	15.09
4	Đồng Chum	Đà Bắc	13.35
5	Yên Hòa	Đà Bắc	8.83
6	Tiền Phong	Đà Bắc	179.45
7	Hiền Lương	Đà Bắc	54.04
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	26.94
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	123.22
10	Sơn Thủy	Mai Châu	23,34
11	Tân Thành	Mai Châu	37,87
12	Bình Thanh	Cao Phong	53.48
13	Thung Nai	Cao Phong	64.51
14	Suối Hoa	Tân Lạc	160
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	4.22
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	1.34

Bảng 02 – PL01: Diện tích ngập PA4.3

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	103.24
2	Chiềng San	Mường La	105.67
3	Tạ Bú	Mường La	146.58
4	Chiềng Hoa	Mường La	105.84
5	Mường Chùm	Mường La	33.41
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	51.20
7	Tà Hộc	Mai Sơn	57.22
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	54.43
9	Chim Vàn	Bắc Yên	52.91
10	Mường Khoa	Bắc Yên	23.51
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	98.27
12	Song Pe	Bắc Yên	114.70
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	49.73
14	Đá Đỏ	Phù Yên	54.67
15	Bắc Phong	Phù Yên	37.06
16	Tân Phong	Phù Yên	26.53
17	Nam Phong	Phù Yên	74.62
18	Tường Tiến	Phù Yên	19.64
19	Tường Phong	Phù Yên	25.25

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
20	Tường Thượng	Phù Yên	64.84
21	Tường Hạ	Phù Yên	57.22
22	Tân Hợp	Mộc Châu	34.20
23	Qui Hưởng	Mộc Châu	21.08
24	Liên Hoà	Vân Hồ	24.24
25	Song Khủa	Vân Hồ	6.82
26	Quang Minh	Vân Hồ	11.31
27	Mường Tè	Vân Hồ	2.16
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	31,56
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	12,55
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	15.09
4	Đồng Chum	Đà Bắc	13.35
5	Yên Hòa	Đà Bắc	8.83
6	Tiền Phong	Đà Bắc	179.45
7	Hiền Lương	Đà Bắc	54.04
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	26.94
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	123.22
10	Sơn Thủy	Mai Châu	23,34
11	Tân Thành	Mai Châu	37,87
12	Bình Thanh	Cao Phong	53,48
13	Thung Nai	Cao Phong	64.51
14	Suối Hoa	Tân Lạc	160,00
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	4.22
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	1.34

Bảng 03 – PL01: Diện tích ngập PA9.3

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	78.66
2	Chiềng San	Mường La	104.45
3	Tạ Bú	Mường La	118.88
4	Chiềng Hoa	Mường La	77.29
5	Mường Chùm	Mường La	24.05
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	32.06
7	Tà Hộc	Mai Sơn	27.00
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	39.04
9	Chim Vàn	Bắc Yên	19.47
10	Mường Khoa	Bắc Yên	4.22
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	66.06
12	Song Pe	Bắc Yên	83.95
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	25.72
14	Đá Đỏ	Phù Yên	30.29
15	Bắc Phong	Phù Yên	12.86
16	Tân Phong	Phù Yên	5.74
17	Nam Phong	Phù Yên	52.47
18	Tường Tiến	Phù Yên	4.71

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
19	Tường Phong	Phù Yên	7.36
20	Tường Thượng	Phù Yên	12.88
21	Tường Hạ	Phù Yên	19.00
22	Tân Hợp	Mộc Châu	6.59
23	Qui Hưởng	Mộc Châu	4.37
24	Liên Hoà	Vân Hồ	10.72
25	Song Khủa	Vân Hồ	0.49
26	Quang Minh	Vân Hồ	3.38
27	Mường Tè	Vân Hồ	0.02
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	19,4
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	2,68
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	6.21
4	Đồng Chum	Đà Bắc	1.10
5	Yên Hòa	Đà Bắc	3,91
6	Tiền Phong	Đà Bắc	90.95
7	Hiền Lương	Đà Bắc	24,98
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	7.33
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	52.12
10	Sơn Thủy	Mai Châu	18,8
11	Tân Thành	Mai Châu	14,13
12	Bình Thanh	Cao Phong	19.57
13	Thung Nai	Cao Phong	23,82
14	Suối Hoa	Tân Lạc	65,08
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	3.88
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	0.67

Bảng 04 – PL01: Diện tích ngập PA10.3

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	74.88
2	Chiềng San	Mường La	103.38
3	Tạ Bú	Mường La	112.00
4	Chiềng Hoa	Mường La	70.26
5	Mường Chùm	Mường La	21.89
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	27.61
7	Tà Hộc	Mai Sơn	18.09
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	35.01
9	Chim Vàn	Bắc Yên	13.57
10	Mường Khoa	Bắc Yên	2.22
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	59.14
12	Song Pe	Bắc Yên	76.81
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	22.02
14	Đá Đỏ	Phù Yên	26.18
15	Bắc Phong	Phù Yên	9.92
16	Tân Phong	Phù Yên	5.11
17	Nam Phong	Phù Yên	51.46

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
18	Tường Tiến	Phù Yên	4.25
19	Tường Phong	Phù Yên	6.62
20	Tường Thượng	Phù Yên	10.08
21	Tường Hạ	Phù Yên	15.99
22	Tân Hợp	Mộc Châu	4.11
23	Qui Hướng	Mộc Châu	3.71
24	Liên Hoà	Vân Hồ	10.17
25	Song Khùa	Vân Hồ	0.45
26	Quang Minh	Vân Hồ	3.30
27	Mường Tè	Vân Hồ	0.02
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	18,55
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	2,46
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	6.15
4	Đồng Chum	Đà Bắc	0.97
5	Yên Hòa	Đà Bắc	3.89
6	Tiền Phong	Đà Bắc	90.25
7	Hiền Lương	Đà Bắc	24.28
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	6.87
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	50.84
10	Sơn Thủy	Mai Châu	18,6
11	Tân Thành	Mai Châu	14
12	Bình Thanh	Cao Phong	19.19
13	Thung Nai	Cao Phong	23.22
14	Suối Hoa	Tân Lạc	64,03
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	3.85
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	0.67

Bảng 05 – PL01: Diện tích ngập PA6.3

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	56.99
2	Chiềng San	Mường La	91.96
3	Tạ Bú	Mường La	69.96
4	Chiềng Hoa	Mường La	34.34
5	Mường Chùm	Mường La	10.77
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	11.78
7	Tà Hộc	Mai Sơn	0.69
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	19.21
9	Chim Vàn	Bắc Yên	0.41
10	Mường Khoa	Bắc Yên	0.05
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	34.65
12	Song Pe	Bắc Yên	46.37
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	4.84
14	Đá Đỏ	Phù Yên	7.93
15	Bắc Phong	Phù Yên	2.58
16	Tân Phong	Phù Yên	2.48

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
17	Nam Phong	Phù Yên	47.51
18	Tường Tiến	Phù Yên	2.69
19	Tường Phong	Phù Yên	3.79
20	Tường Thượng	Phù Yên	3.74
21	Tường Hạ	Phù Yên	9.56
22	Tân Hợp	Mộc Châu	0.32
23	Qui Hướng	Mộc Châu	2.17
24	Liên Hoà	Vân Hồ	8.97
25	Song Khùa	Vân Hồ	0.37
26	Quang Minh	Vân Hồ	3.21
27	Mường Tè	Vân Hồ	0.01
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	16,97
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	2,19
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	6.05
4	Đồng Chum	Đà Bắc	0.84
5	Yên Hòa	Đà Bắc	3.89
6	Tiền Phong	Đà Bắc	90.70
7	Hiền Lương	Đà Bắc	24.75
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	7.29
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	51.41
10	Sơn Thủy	Mai Châu	19,17
11	Tân Thành	Mai Châu	14,07
12	Bình Thanh	Cao Phong	18.40
13	Thung Nai	Cao Phong	22.35
14	Suối Hoa	Tân Lạc	62,75
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	3.88
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	0.67

Phụ lục 02: Diện tích ngập theo các tình huống khẩn cấp xả lũ

Bảng 01 – PL02: Diện tích ngập kịch bản XL3.1

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	98.57
2	Chiềng San	Mường La	109.55
3	Tạ Bú	Mường La	139.99
4	Chiềng Hoa	Mường La	98.64
5	Mường Chùm	Mường La	31.45
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	47.13
7	Tà Hộc	Mai Sơn	49.78
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	50.37
9	Chim Vàn	Bắc Yên	43.72
10	Mường Khoa	Bắc Yên	17.75
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	91.20
12	Song Pe	Bắc Yên	109.02
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	45.37
14	Đá Đỏ	Phù Yên	51.04
15	Bắc Phong	Phù Yên	34.03

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
16	Tân Phong	Phù Yên	23.83
17	Nam Phong	Phù Yên	72.30
18	Tường Tiến	Phù Yên	18.04
19	Tường Phong	Phù Yên	23.12
20	Tường Thượng	Phù Yên	61.16
21	Tường Hạ	Phù Yên	53.62
22	Tân Hợp	Mộc Châu	29.57
23	Qui Hướng	Mộc Châu	18.46
24	Liên Hoà	Vân Hồ	22.84
25	Song Khũa	Vân Hồ	5.78
26	Quang Minh	Vân Hồ	10.03
27	Mường Tè	Vân Hồ	1.77
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	30,35
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	11,00
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	13.69
4	Đồng Chum	Đà Bắc	12.11
5	Yên Hòa	Đà Bắc	8.21
6	Tiền Phong	Đà Bắc	170.50
7	Hiền Lương	Đà Bắc	50.56
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	98.57
9	Vây Nưa	Đà Bắc	109.55
10	Sơn Thủy	Mai Châu	139.99
11	Tân Thành	Mai Châu	98.64
12	Bình Thanh	Cao Phong	31.45
13	Thung Nai	Cao Phong	47.13
14	Suối Hoa	Tân Lạc	49.78
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	50.37
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	43.72

Bảng 02 – PL02: Diện tích ngập kịch bản XL3.2

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	94.38
2	Chiềng San	Mường La	108.27
3	Tạ Bú	Mường La	135.46
4	Chiềng Hoa	Mường La	93.99
5	Mường Chùm	Mường La	29.40
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	43.86
7	Tà Hộc	Mai Sơn	45.72
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	47.39
9	Chim Vàn	Bắc Yên	37.96
10	Mường Khoa	Bắc Yên	14.13
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	87.56
12	Song Pe	Bắc Yên	105.37
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	43.57
14	Đá Đỏ	Phù Yên	49.65

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
15	Bắc Phong	Phù Yên	32.76
16	Tân Phong	Phù Yên	23.19
17	Nam Phong	Phù Yên	71.91
18	Tường Tiến	Phù Yên	17.59
19	Tường Phong	Phù Yên	22.64
20	Tường Thượng	Phù Yên	60.44
21	Tường Hạ	Phù Yên	52.87
22	Tân Hợp	Mộc Châu	27.71
23	Qui Hướng	Mộc Châu	17.98
24	Liên Hoà	Vân Hồ	22.64
25	Song Khủa	Vân Hồ	5.70
26	Quang Minh	Vân Hồ	9.95
27	Mường Tè	Vân Hồ	1.75
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	30,14
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	10,91
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	13.62
4	Đồng Chum	Đà Bắc	12.01
5	Yên Hòa	Đà Bắc	8.17
6	Tiền Phong	Đà Bắc	170.07
7	Hiền Lương	Đà Bắc	50.43
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	24.60
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	114.71
10	Sơn Thủy	Mai Châu	25,15
11	Tân Thành	Mai Châu	34,34
12	Bình Thanh	Cao Phong	49.95
13	Thung Nai	Cao Phong	59.34
14	Suối Hoa	Tân Lạc	150,8
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	4.22
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	1.25

Bảng 03 – PL02: Diện tích ngập kịch bản XL3.3

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	67.68
2	Chiềng San	Mường La	99.87
3	Tạ Bú	Mường La	95.84
4	Chiềng Hoa	Mường La	55.23
5	Mường Chùm	Mường La	17.12
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	20.68
7	Tà Hộc	Mai Sơn	9.73
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	28.60
9	Chim Vàn	Bắc Yên	6.99
10	Mường Khoa	Bắc Yên	1.18
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	52.12
12	Song Pe	Bắc Yên	68.57
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	17.86

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
14	Đá Đỏ	Phù Yên	21.39
15	Bắc Phong	Phù Yên	6.07
16	Tân Phong	Phù Yên	4.46
17	Nam Phong	Phù Yên	50.59
18	Tường Tiến	Phù Yên	3.89
19	Tường Phong	Phù Yên	6.08
20	Tường Thượng	Phù Yên	8.06
21	Tường Hạ	Phù Yên	14.01
22	Tân Hợp	Mộc Châu	1.86
23	Qui Hướng	Mộc Châu	3.45
24	Liên Hoà	Vân Hồ	9.86
25	Song Khủa	Vân Hồ	0.42
26	Quang Minh	Vân Hồ	3.16
27	Mường Tè	Vân Hồ	0.02
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	18,11
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	2,41
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	6.05
4	Đồng Chum	Đà Bắc	0.90
5	Yên Hòa	Đà Bắc	3.85
6	Tiền Phong	Đà Bắc	88,85
7	Hiền Lương	Đà Bắc	25
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	7.04
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	50.64
10	Sơn Thủy	Mai Châu	19.2
11	Tân Thành	Mai Châu	13,7
12	Bình Thanh	Cao Phong	18.97
13	Thung Nai	Cao Phong	22.45
14	Suối Hoa	Tân Lạc	64,03
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	3.88
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	0.67

Bảng 04 – PL02: Diện tích ngập kịch bản XL3.4

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	57.62
2	Chiềng San	Mường La	92.17
3	Tạ Bú	Mường La	70.17
4	Chiềng Hoa	Mường La	35.21
5	Mường Chùm	Mường La	11.07
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	11.84
7	Tà Hộc	Mai Sơn	0.72
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	19.27
9	Chim Vàn	Bắc Yên	0.45
10	Mường Khoa	Bắc Yên	0.05
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	34.98
12	Song Pe	Bắc Yên	46.66

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	4.96
14	Đá Đỏ	Phù Yên	8.18
15	Bắc Phong	Phù Yên	2.74
16	Tân Phong	Phù Yên	2.54
17	Nam Phong	Phù Yên	47.59
18	Tường Tiến	Phù Yên	2.77
19	Tường Phong	Phù Yên	3.91
20	Tường Thượng	Phù Yên	3.79
21	Tường Hạ	Phù Yên	9.75
22	Tân Hợp	Mộc Châu	0.33
23	Qui Hướng	Mộc Châu	2.27
24	Liên Hoà	Vân Hồ	9.00
25	Song Khũa	Vân Hồ	0.36
26	Quang Minh	Vân Hồ	3.06
27	Mường Tè	Vân Hồ	0.01
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	16,98
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	2,19
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	5.99
4	Đồng Chum	Đà Bắc	0.81
5	Yên Hòa	Đà Bắc	3.85
6	Tiền Phong	Đà Bắc	88.77
7	Hiền Lương	Đà Bắc	24.30
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	7.04
9	Vây Nưa	Đà Bắc	50.59
10	Sơn Thủy	Mai Châu	18,87
11	Tân Thành	Mai Châu	13,7
12	Bình Thanh	Cao Phong	18.04
13	Thung Nai	Cao Phong	21.75
14	Suối Hoa	Tân Lạc	63,21
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	3.87
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	0.67

Bảng 05 – PL02: Diện tích ngập kịch bản XL3.7

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
A	KHU VỰC TỈNH SƠN LA		
1	Ít Ong	Mường La	49.39
2	Chiềng San	Mường La	87.85
3	Tạ Bú	Mường La	52.22
4	Chiềng Hoa	Mường La	22.07
5	Mường Chùm	Mường La	6.06
6	Chiềng Chăn	Mai Sơn	5.90
7	Tà Hộc	Mai Sơn	0.02
8	Bắc Ngà	Bắc Yên	12.75
9	Chim Vàn	Bắc Yên	0.00
10	Mường Khoa	Bắc Yên	0,00
11	Tạ Khoa	Bắc Yên	18.32

Stt	Xã	Huyện	Diện tích ngập (ha)
12	Song Pe	Bắc Yên	27.00
13	Chiềng Sại	Bắc Yên	2.30
14	Đá Đỏ	Phù Yên	5.08
15	Bắc Phong	Phù Yên	1.45
16	Tân Phong	Phù Yên	1.81
17	Nam Phong	Phù Yên	45.91
18	Tường Tiến	Phù Yên	2.26
19	Tường Phong	Phù Yên	3.06
20	Tường Thượng	Phù Yên	2.51
21	Tường Hạ	Phù Yên	8.14
22	Tân Hợp	Mộc Châu	0.12
23	Qui Hướng	Mộc Châu	1.78
24	Liên Hoà	Vân Hồ	8.74
25	Song Khủa	Vân Hồ	0.35
26	Quang Minh	Vân Hồ	3.05
27	Mường Tè	Vân Hồ	0.01
B	KHU VỰC TỈNH HÒA BÌNH		
1	Nánh Nghê	Đà Bắc	16,38
2	Mường Chiềng	Đà Bắc	2,04
3	Đồng Ruộng	Đà Bắc	5.98
4	Đồng Chum	Đà Bắc	0.78
5	Yên Hòa	Đà Bắc	3.85
6	Tiền Phong	Đà Bắc	88.53
7	Hiền Lương	Đà Bắc	24.14
8	Toàn Sơn	Đà Bắc	6.97
9	Vầy Nưa	Đà Bắc	50.45
10	Sơn Thủy	Mai Châu	18,65
11	Tân Thành	Mai Châu	13,65
12	Bình Thanh	Cao Phong	17.89
13	Thung Nai	Cao Phong	21.55
14	Suối Hoa	Tân Lạc	62,95
15	P. Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	3.86
16	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	0.67

Phụ lục 03: Mô phỏng đường mực nước ngập của các kịch bản vỡ đập tại các mặt cắt dọc hồ Hòa Bình.

Bảng 01 – PL03: Kịch bản Phương án - PA1.3

TT	Tên Mặt cắt	Khoảng cách (m)	Mực nước lớn nhất (m)	Lưu lượng lớn nhất (m³/s)	Thời gian đạt mực nước lớn nhất (ngày/giờ)	Ghi chú
1	TL_Đập Sơn La	0	228,78	55811		TL_Hồ Sơn La
2	HL_Đập Sơn La	200	142,47	44853	8/20/96 20:00	HL_Hồ Sơn La
3	MC 1.1	700	142,38	44845	8/20/96 20:00	Bản Hòa Lon
4	MC 1.1A	1097	142,28	44835	8/20/96 20:00	
5	MC 2.1	1494	142,25	44828	8/20/96 20:00	

TT	Tên Mặt cắt	Khoảng cách (m)	Mức nước lớn nhất (m)	Lưu lượng lớn nhất (m ³ /s)	Thời gian đạt mức nước lớn nhất (ngày/giờ)	Ghi chú
6	MC 3.1	1964	142,20	44821	8/20/96 20:00	
7	MC 4.1	3002	141,74	44804	8/20/96 20:09	
8	MC 5.1	3698	141,03	44791	8/20/96 20:09	Bản Giàng
9	MC 6.1	4539	140,87	44778	8/20/96 20:09	Cửa Nậm Chiến
10	MC 7.1	5695	140,70	44844	8/20/96 20:09	Bản Pá Chiến
11	MC 8.1	7222	140,34	44794	8/20/96 20:20	Bản Tạ Bú
12	MC 9.1	8489	139,62	45085	8/20/96 22:39	
13	MC 56	8989	138,84	45078	8/20/96 22:39	Bản Búng
14	MC 55	10839	138,38	45064	8/20/96 22:39	Bản Pét
15	MC 54	12539	138,04	45054	8/20/96 23:00	Bản Bắc
16	MC 53	13789	138,00	45045	8/21/96 1:30	Bản Tôm
17	MC 52	15064	137,91	45035	8/21/96 1:30	Bản Pậu
18	MC 51A	17439	137,85	44994	8/21/96 1:39	
19	MC 51	19714	137,78	44965	8/21/96 1:39	Bản Hát Hay
20	MC 50	20964	137,75	44940	8/21/96 1:39	Bản Tà Lành
21	MC 49	22639	137,56	44911	8/21/96 1:39	Bản Nà Nghịu
22	MC 48	25239	137,52	44875	8/21/96 1:39	Bản Huổi Săn 1
23	MC 47A	27614	137,46	44846	8/21/96 1:39	
24	MC 47	29864	137,30	44814	8/21/96 1:39	Bản Si
25	MC 46	31764	137,19	44784	8/21/96 1:50	Bản Chiềng
26	MC 45	33439	136,74	44761	8/21/96 1:50	
27	MC 44	36014	136,62	44730	8/21/96 1:50	
28	MC 43	37714	136,14	44709	8/21/96 2:00	Bản Pon
29	MC 42	39639	135,61	44689	8/21/96 2:09	Cảng Tạ Hộc
30	MC 41	41539	135,32	44652	8/21/96 2:09	
31	MC 39	43789	134,78	44624	8/21/96 2:20	
32	MC 38	45464	134,72	44605	8/21/96 2:20	Bản Pung Luồn
33	MC 37	48714	134,23	44565	8/21/96 2:30	Bản Khọc A
34	MC 36	51714	133,64	44530	8/21/96 2:39	Bản Phở
35	MC 35	53889	133,32	44504	8/21/96 2:50	Tạ Khoa
36	MC 34	58389	132,54	44443	8/21/96 3:09	
37	MC 33	60839	132,01	44409	8/21/96 3:39	Bản Chanh
38	MC 32	63764	131,24	44371	8/21/96 3:50	
39	MC 31A	65164	131,00	44337	8/21/96 3:50	
40	MC 31	68164	130,67	44549	8/21/96 4:00	
41	MC 30	71414	129,85	44406	8/21/96 4:09	
42	MC 29	74164	129,25	44303	8/21/96 4:09	Bản Ngâm
43	MC 28	77439	128,32	44265	8/21/96 4:20	Bản Cửa Sập
44	MC 27	80639	128,00	44278	8/21/96 4:30	Bản Bãi Sại
45	MC 26	83939	127,57	44220	8/21/96 4:39	Bãi Vàng A